

Số: 01/2022/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị H sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 444, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1941; địa chỉ: số nhà 46 ngõ 522, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà H1: ông Trần Văn Tr sinh năm 1972; địa chỉ: số 48, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trần Công Tr1 sinh năm 1960; địa chỉ: số 94, đường 8, khu phố 3, phường B, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Trần Văn M sinh năm 1962; địa chỉ: số 985/13 AC, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông M: bà Nguyễn Thị Kim Th sinh năm 1970; địa chỉ: 168/1 VVT, phường N, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền.

+ Bà Trần Thị H2 sinh năm 1964; địa chỉ: số nhà 7 ngõ 358, đường Ng, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Trần Thị B sinh năm 1966; địa chỉ: số nhà 50, ngõ 522, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Trần Thị Y sinh năm 1967; địa chỉ: số nhà 141, đường 1A, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Trần Văn S sinh năm 1969; địa chỉ: số nhà 44, ngõ 522, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Trần Thị V sinh năm 1971; địa chỉ: số 215, đường V, phố M, phường V, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Trần Văn Tr sinh năm 1972; địa chỉ: số 48, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Trần Thúy M sinh năm 1975; địa chỉ: UL: LK 19/m7 – Vacsava - Ba Lan; quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu: Nxxxx.

+ Ông Phạm Duy Đ sinh năm 1971; địa chỉ: UL: Wa 4A – Vacsava - Ba Lan; quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu: Nxxxx.

Người đại diện hợp pháp của bà M, ông Đ: bà Trần Thị V sinh năm 1971; địa chỉ: số 215, đường V, phố M, phường V, thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B là người đại diện theo ủy quyền.

+ Anh Vũ Mạnh H sinh năm 1980; địa chỉ: VL – G 186 M209 – Vacsava - Ba Lan; quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu: Nxxxx.

+ Chị Đặng Thị Vân sinh năm 1979; địa chỉ: VL – G 186 M209 - Vacsava - Ba Lan; quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu: Nxxxx.

Người đại diện hợp pháp của anh H, chị V: bà Trần Thị H sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 444, đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia diện tích 519,4 m² đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41; địa chỉ: phố Thanh Bình, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

đứng tên bà Nguyễn Thị H1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK110573 do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp ngày 09/11/2017 cho bà Trần Thị H và bà Trần Thúy M được quyền sử dụng, cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị H được quyền sử dụng 400m² đất ở (kích thước: phía Nam giáp thửa đất số 43 dài 18m, phía Bắc giáp diện tích đất chia cho bà M dài 18m, phía Đông giáp đường dài 22,23m, phía Tây giáp các thửa đất số 49, 50, 51, 52, 53 dài 22,23m).

- Bà Trần Thúy M được quyền sử dụng 119,4m² đất ở (kích thước: phía Nam giáp diện tích đất chia cho bà H dài 18m, phía Bắc giáp thửa đất số 15 dài 18m, phía Đông giáp đường dài 6,63m, phía Tây giáp các thửa đất số 14, 17, 49 dài 6,63m).

(có sơ đồ kèm theo)

2.2. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn M số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời gian thanh toán ngày 20/7/2022 (đã thanh toán xong).

2.3. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị B số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời gian thanh toán ngày 26/7/2022 (đã thanh toán xong).

2.4. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn S số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời gian thanh toán ngày 26/8/2022.

2.5. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án theo quy định của pháp luật là 43.427.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tử Lượng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).